TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HN-ST
Ngày: 16/01/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị Thùy L: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng L1 – Chi nhánh M; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 1989; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình chồng tại ấp A, xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do anh D say rượu cầm dao lên nhà hâm dọa chị, trước đây khi anh D say rượu có đập phà đồ đạc trong nhà, có đánh chị nhiều lần, gia đình chồng đều có biết việc này. Chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà mẹ ruột sống từ ngày 28/7/2023 (âm lịch) đến nay, anh D có đến nhà rước chị về nhưng chị không đồng ý về. Nay nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015, cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi cháu N và cháu P, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý để anh D nuôi cháu K, chị không cấp dưỡng nuôi con. Nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện chị đồng ý để anh D nuôi ba con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bị đơn anh Nguyễn Khánh D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về điều kiện kết hôn, thời gian đám cưới, chung sống. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị L có nhắn tin với người đàn ông khác, anh bắt được nhiều lần, đã tha thứ cho chị L, có rước chị L về nhưng chị L không đồng ý về, anh thừa nhận khi say rượu có đập phá đồ đạc trong nhà, có đánh chị L, có dùng dao dọa chị L nhưng do anh bức xúc việc chị L nhắn tin với người đàn ông khác, anh khuyên chị không được. Tuy nhiên, do hiện nay anh còn thương chị L nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015, cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 do không đồng ý ly hôn nên vẫn muốn các con sống với ba, mẹ. Trường hợp buộc phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả ba con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh D ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực gia đình với chị L trong thời gian dài nên mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị L không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015,cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 khi ly hôn chị L đồng ý để anh D nuôi ba con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Con chung: có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015,cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 khi ly hôn chị L đồng ý để anh D nuôi các con, chị không cấp dưỡng nuôi con, Anh D1 cũng đồng ý nội dung này nên ghi nhận,

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị Lê Thị Thùy L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Lê Thị Thùy L và anh Nguyễn Khánh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh D. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh khi anh D thường xuyên nhậu nhẹt khi say rượu ghen tuông vô cớ, đập phà đồ đạc trong nhà, có đánh chị nhiều lần. Chị đã khuyên anh D nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh D cũng thừa nhận những mâu thuẫn mà chị L trình bày là có thật, ngoài ra mâu thuẫn của vợ chồng còn do chị L nhắn tin với người đàn ông khác, anh khuyên nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh D sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh D là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau về việc anh D thường xuyên nhậu nhẹt, khi say rượu có đập phà đồ đạc trong nhà, có hành vi bao lực gia đình với chị L nhiều lần, giữa vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã có khoảng thời gian dài ly thân nhưng không hàn gắn được tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và yêu thương lẫn nhau. Anh D cho rằng còn thương chị L không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được hướng khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng và chị L cũng kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục chung sống với anh D. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015, cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 khi ly hôn chị L đồng ý để anh D nuôi cháu cả ba con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh Duy trình bày nếu phải ly hôn yêu cầu được nuôi ba con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi anh chị ly thân cả ba con chung sống với anh D có cuộc sống ổn định, các con phát triển bình thường. Tại biên bản lấy ý kiến con cháu N và cháu K đều trình bày có nguyện vọng sống với anh D. Đồng thời, theo lời trình bày của anh D thì hiện nay anh làm nghề chạy đò và bán quán tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 25.000.000 đồng đảm bảo

được điều kiện nuôi dưỡng các con. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định và sự phát triển bình thường cho các con khi ly hôn cần giao ba con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L và anh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Khánh D.

2. Về con chung: có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17/02/2011, cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05/05/2015, cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 02/11/2018 khi ly hôn giao ba con chung cho anh Nguyễn Khánh D được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Nguyễn Khánh D không yêu cầu chị Lê Thị Thùy L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thùy L và anh Nguyễn Khánh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thùy L và anh Nguyễn Khánh D trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị Thùy L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002247 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến